

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 855/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 318/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Minh Đ, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường D, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Tỉnh lộ 8, ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 01/3/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn ông Hà Minh Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Phương L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2019. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2021 do vợ chồng ông thường cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng chung sống không hòa thuận. Vợ chồng ông ly thân đã hơn 02 năm. Bà L mâu thuẫn với mẹ ông, bà L về nhà mẹ ở. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương L.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Hà Dương Gia A, sinh ngày 14/5/2019 và Hà Dương Trúc A1, sinh ngày 10/01/2021. Ông Đ đồng ý giao 02 (hai) con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng cho mỗi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2024 cho đến khi trẻ Hà Dương Gia A và Hà Dương Trúc A1 lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Hà Minh Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương L hiện đang cư trú tại số A Tỉnh lộ 8, ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Phương L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hà Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2019.

Xét lời trình bày của ông Đ thì sau kết hôn giữa ông và bà L đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2021 do vợ chồng ông thường cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hòa thuận. Vợ chồng ông ly thân đã hơn 02 năm. Gia đình hai bên mâu thuẫn. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương L.

Bà L đã được Tòa án triệu tập nhưng bà không đến Tòa. Bà L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn

gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà L là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Ông Đ và bà L có 02 (hai) con chung tên Hà Dương Gia A, sinh ngày 14/5/2019 và Hà Dương Trúc A1, sinh ngày 10/01/2021. Ông Đ đồng ý giao 02 (hai) con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy về sinh hoạt của hai trẻ, để ổn định tâm lý cho trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên giao con chung Hà Dương Gia A và Hà Dương Trúc A1 cho bà Nguyễn Thị Phương L nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà L không có văn bản trình bày ý kiến. Ông Đ cấp dưỡng cho mỗi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2024 cho đến khi trẻ Hà Dương Gia A và Hà Dương Trúc A1 lần lượt đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ.

[5] Về tài sản chung: Ông Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Phương L vắng mặt tại phiên tòa. Nếu bà L có tranh chấp về cấp dưỡng, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Hà Minh Đ phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của ông Hà Minh Đ là được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2019 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Giao trẻ Hà Dương Gia A, sinh ngày 14/5/2019 và Hà Dương Trúc A1, sinh ngày 10/01/2021 cho bà Nguyễn Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ cấp dưỡng cho mỗi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2024 cho đến khi trẻ Hà Dương Gia A và Hà Dương Trúc A1 lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Hà Minh Đ phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0019524 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Hà Minh Đ phải chịu.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy